

Cơ hội và thách thức của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế số

NGUYỄN THỊ HÒA*

Tóm tắt

Trong quá trình chuyển đổi số, khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) có rất nhiều cơ hội và thách thức. Do đó, cần phải có những giải pháp thiết thực để phát triển khu vực này trong thời gian tới. Bài viết đánh giá cơ hội và thách thức của khu vực kinh tế tư nhân trong bối cảnh chuyển đổi số, từ đó, đề xuất một số giải pháp giúp khu vực này tận dụng cơ hội, khắc phục được thách thức để phát triển.

Từ khóa: cơ hội, thách thức, khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế số, Việt Nam

Summary

In the process of digital transformation, the private sector faces many opportunities and challenges. It is necessary to have practical solutions to develop the private sector in the coming time. The article assesses the opportunities and challenges of the private sector in the digital context, thereby proposing some solutions for this sector to take advantage of opportunities and overcome challenges for development.

Keywords: opportunities, challenges, private sector, digital economy, Vietnam

GIỚI THIỆU

Thời đại bùng nổ của kỷ nguyên số đã tạo nên nhiều cơ hội đầu tư hữu ích và hấp dẫn đối với các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, nền kinh tế số cũng mang lại nhiều thách thức đối với khu vực KTTN, do khu vực này vẫn còn hạn chế về trình độ khoa học công nghệ; nguồn vốn hạn chế; nhân lực số còn thiếu và yếu. Vì vậy, việc phân tích tìm ra những cơ hội và thách thức đối với khu vực KTTN trong bối cảnh nền kinh tế số hiện nay, từ đó có những giải pháp phù hợp là điều rất bức thiết.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KHU VỰC KTTN Ở VIỆT NAM THỜI GIAN QUA

Những kết quả đạt được

Trong những năm qua khu vực KTTN đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Đóng góp vào tỷ trọng tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

Trong giai đoạn 2016-2021, giá trị GDP của khu vực KTTN liên tục gia tăng, nếu năm 2016, GDP của khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng từ 2.832.253 tỷ đồng, thì năm 2021 tăng lên 4.243.095 tỷ đồng. Tỷ lệ đóng góp vào tỷ trọng GDP của khu vực này cũng chiếm tỷ lệ cao nhất trong các loại hình kinh tế luôn ở mức trên 50%, chỉ năm 2017 là 49,98% (Bảng 1). Điều này cho thấy, vai trò quan trọng của khu vực KTTN đối với nền kinh tế Việt Nam.

Tình hình phát triển quy mô và số lượng

KTTN có bước phát triển mạnh mẽ về số lượng. Trong giai đoạn 2010-2017, trung bình mỗi năm có hơn 100 nghìn doanh nghiệp được thành lập mới, đến giai đoạn 2018-2022, mỗi năm có hơn 130 nghìn doanh nghiệp được thành lập mới. Tương ứng với đó, số vốn đăng ký hằng năm đạt hàng triệu tỷ đồng, riêng giai đoạn 2018-2022, mỗi năm KTTN đóng góp trung bình 2 triệu tỷ đồng vốn đăng ký mới cho nền kinh tế. Với khoảng 800 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, KTTN đang đóng góp gần 45% vào GDP cả nước, 1/3 thu ngân sách nhà nước, hơn 40% vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội, tạo ra công ăn việc làm cho 85% số lao động cả nước (Minh Tùng, 2023).

Bên cạnh đó, KTTN đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam khi chiếm tới 35% tổng kim ngạch nhập khẩu và 25% tổng kim

* ThS., Công ty TNHH Phát Đạt Lâm | Email: Hoahoanganh628@gmail.com

Ngày nhận bài: 31/5/2023; Ngày phản biện: 05/7/2023; Ngày duyệt đăng: 20/7/2023

BẢNG 1: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2016-2021

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	Sơ bộ 2021
TỔNG SỐ (Tỷ đồng)	5.639.401	6.293.904,6	7.009.042,1	7.707.200,3	8.044.385,73	8.479.666,50
Kinh tế nhà nước	1.284.522,3	1.404.435,5	1.495.494,1	1.587.127,2	1.662.351,72	1.796.228,19
Kinh tế ngoài nhà nước	2.832.253	3.145.811,2	3.514.624,4	3.895.947,8	4.067.451,27	4.243.095
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1.003.122,7	1.170.973,5	1.369.513,1	1.534.823,2	1.609.112,42	169.7903,95
TỔNG SỐ (%)	100	100	100	100	100	100
Kinh tế nhà nước	22,78	22,31	21,34	20,59	20,66	21,18
Kinh tế ngoài nhà nước	50,22	49,98	50,2	50,60	50,50	50,04
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	17,79	18,6	19,54	19,91	20	20,02

BẢNG 2: VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2016-2021

	Năm	Tổng số	Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
Giá thực tế (Tỷ đồng)	2016	1.926.864	587.110	988.651	351.103
	2017	2.186.560	616.459	1.173.901	396.200
	2018	2.426.400	630.142	1.361.156	435.102
	2019	2.670.471	643.094	1.557.937	469.440
	2020	2.803.065	734.735	1.605.050	463.280
	Sơ bộ 2021	2.891.912	713.577	1.720.254	458.081
Cơ cấu thành phần kinh tế (%)	2016	100	30,5	51,3	18,2
	2017	100	28,2	53,7	18,1
	2018	100	26,0	56,1	17,9
	2019	100	24,1	58,3	17,6
	2020	100	26,2	57,3	16,5
	Sơ bộ 2021	100	24,7	59,5	15,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê

ngạch xuất khẩu. Nguồn vốn từ khu vực KTTN đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng từ 51,3% năm 2016 lên đến 59,5% năm 2021 (Minh Tùng, 2023).

Vốn đầu tư của khu vực KTTN trong vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Trong giai đoạn 2016-2021, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đối với khu vực KTTN đạt kết quả cao và có sự gia tăng qua các năm. Tỷ lệ chiếm đều trên 50%, trong đó năm 2019 đạt 58,3% đến năm 2021 đạt 59,5% (Bảng 2). Qua đó, có thể thấy, nguồn vốn đầu tư của khu vực KTTN luôn đóng vai trò quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế.

Những hạn chế trong phát triển của khu vực KTTN

Bên cạnh kết quả đạt được, khu vực KTTN còn đang cho thấy nhiều hạn chế, đó là:

Một là, sức khỏe doanh nghiệp khu vực KTTN còn yếu. Đặc biệt, sau đại dịch Covid-19, không ít các doanh nghiệp lại thụt lùi, mất đi năng lực cạnh tranh. Theo số liệu công bố mới đây của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính chung 6 tháng đầu năm 2023, có 60,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 18,2%; 31 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 28,9%; 8,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 2,8%. Như vậy, bình quân mỗi tháng có khoảng 16,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Hai là, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa chú tâm cải thiện khả năng liên kết với các doanh nghiệp

có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên kết lại với nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Bên cạnh đó, trình độ quản lý của các chủ doanh nghiệp tư nhân hiện nay vẫn còn thấp, chưa qua đào tạo ở các trường lớp chính quy về ngành nghề lĩnh vực mà mình đang theo đuổi...

Ba là, trình độ lao động của các doanh nghiệp chưa được cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo vẫn còn ở mức khiêm tốn, chưa có nhiều nhân lực giỏi, chưa được trang bị nhiều kỹ năng cần thiết, do đó, dẫn đến việc tiếp cận công nghệ còn hạn chế, chưa thể nâng cao năng suất lao động tốt. Ngoài ra, các chế độ lương thưởng chưa tương xứng dẫn đến chưa thu hút được nhiều nhân tài để phục vụ cho việc sản xuất nâng cao giá trị của sản phẩm.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA KHU VỰC KTTN Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ SỐ

Cơ hội

Trong bối cảnh nền kinh tế số, khu vực KTTN có một số cơ hội như sau:

(i) *Tận dụng những thành quả của nền kinh tế số, từ chính sách, hạ tầng số, đến kết quả của nền kinh tế số.* Đến nay, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách về thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, như: Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; Chiến lược Quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số... Năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện Ngày Chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10/10. Đồng thời, bộ chỉ tiêu, công cụ đo lường kinh tế số đã được ban hành nhằm đánh giá hoạt động kinh tế số của Việt Nam. Đặc biệt, hạ tầng số đã được quan tâm phát triển và xác định là phải đi trước một bước. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2022, hệ thống 5G đã triển khai thử nghiệm ở hơn 40 tỉnh/thành phố trong cả nước; hệ thống cáp quang được xây dựng tới 100% các xã, phường, thị trấn; 91% thôn bản; 100% trường học. Mạng truyền số liệu chuyên dụng được kết nối tới 100% cấp xã. Trong năm 2022, số người sử dụng internet là 72,1 triệu người. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet có xu hướng tăng lên từ 60% năm 2018 đến 75% năm 2022. Giao thức liên mạng thế hệ 6 (IPv6) đã được triển khai, đạt trên 50% tỷ lệ sử dụng, đứng thứ 10 thế giới. Hoạt động an toàn thông tin mạng ngày càng được quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo tốt cho các hoạt động kinh tế số. Đây cũng là một điểm sáng trong năm 2022, giúp nâng cao thứ hạng quốc gia ở mức tốt trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng. Năm 2022, tỷ lệ lây nhiễm mã độc giảm gần 50% so với năm 2018; có hơn 4,33 triệu người tiêu dùng được bảo vệ trước các cuộc tấn công lừa đảo trực tuyến, vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

Ngoài ra, tỷ lệ giá trị Việt Nam trong các sản phẩm công nghệ số tăng dần, có khoảng 60% doanh nghiệp đang làm gia công chuyển từ gia công từng công đoạn có giá trị thấp sang làm toàn bộ giải pháp, sản phẩm giá trị cao. Các doanh nghiệp phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin có doanh thu đạt 2,2 tỷ USD ở thị trường nước ngoài và lần đầu tiên có một doanh nghiệp số ở Việt Nam có doanh thu giải pháp, dịch vụ phần mềm tại nước ngoài đạt hơn 1 tỷ USD. Năm 2022, đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam đã có sự chuyển hướng từ đầu tư gia công sản xuất sang đầu tư nghiên cứu phát triển tại Việt Nam.

(ii) *Sự thay đổi của hành vi tiêu dùng tạo cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận với các mô hình kinh doanh mới.* Do sự tác động của đại dịch Covid-19 và sự phát triển của khoa học, công nghệ, cộng với độ phủ rộng của internet ở Việt Nam, người dân đã dần quen với mua sắm trực tuyến. Để có thể đáp ứng được sự thay đổi, các doanh nghiệp đã có những hoạt động nhằm thích ứng với mô hình kinh doanh mới, như: quan tâm đầu tư phát triển kinh doanh trực tuyến, khai thác ở nhiều kênh khác nhau, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

(iii) *Kinh tế số giúp các doanh nghiệp tư nhân có thể tiết giảm nhiều chi phí.* Nhờ thương mại điện tử, các doanh nghiệp tư nhân có thể dễ dàng thu thập được rất nhiều thông tin về thị trường, về đối tác một cách dễ dàng và nhanh chóng.

Ngoài ra, nhờ thương mại điện tử, các doanh nghiệp tư nhân còn có thể giảm được chi phí văn phòng. Các văn phòng không giấy tờ chiếm diện tích nhỏ hơn rất nhiều; bên cạnh đó, chi phí tìm kiếm, chuyển giao tài liệu đã giảm đi nhiều lần (trong đó khâu in ấn gần như bỏ hẳn). Thương mại điện tử cũng giúp cho doanh nghiệp giảm được các chi phí trong hoạt động bán hàng và tiếp thị. Thông qua internet, một nhân viên bán hàng có thể giao dịch được với nhiều khách hàng, catalogue điện tử trên Web phong phú hơn nhiều và thường xuyên được cập nhật so với catalogue in ấn.

Thách thức

Bên cạnh những cơ hội nói trên, thì cũng có không ít những thách thức đối với khu vực KTTN. Đầu tiên, dễ thấy nhất là khả năng áp dụng các thành tựu khoa học còn hạn chế, do sự lạc hậu của máy móc. Trong bối cảnh nền kinh tế số, việc áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ là điều rất cần thiết và để làm được điều đó, cần có thiết bị, máy móc hiện đại. Tuy nhiên, các máy móc hiện nay chưa được đổi mới nhiều, chưa có sự đầu tư phù hợp. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) về Đối mới sáng tạo công bố vào cuối năm 2021, tại Việt Nam, chỉ có 29% doanh nghiệp sử dụng máy móc được điều khiển bởi máy tính, công nghệ kỹ thuật số của công nghiệp 3.0; Chỉ 8,7% sử dụng công nghệ này một cách tích cực, hiệu quả.

Trong bối cảnh nền kinh tế số, yếu tố công nghệ luôn đặt lên hàng đầu, nhưng xét về năng lực này, thì vẫn còn đâu đó sự lạc hậu, không muốn thay đổi, bảo thủ do thiếu kiến thức đầu tư cho công nghệ mới vẫn còn thấp.

Bên cạnh đó, trong quá trình chuyển đổi số, các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ gặp không ít những khó khăn, như: về tư duy, nhận thức trong việc sản xuất, kinh doanh, thiếu lộ trình và mục tiêu cụ thể trong hướng đi của mình.

Xu hướng chuyển đổi số mặc dù là cơ hội cho nhiều doanh nghiệp, nhưng cũng lại là thách thức cho các doanh nghiệp truyền thống. Do đặc điểm của khu vực KTTN chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, các hộ gia đình, mà phần lớn chỉ tham gia các hoạt động giản đơn,

như: sản xuất các sản phẩm thủ công, thương mại, dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng tại địa phương. Các doanh nghiệp tư nhân vẫn còn quy mô ở mức nhỏ và chưa có đủ các nguồn nhân lực để có thể hoạt động sản xuất bắt kịp xu hướng hướng chuyển đổi số của các nước trên phạm vi toàn cầu.

KHUYẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH

Có thể thấy, trong bối cảnh nền kinh tế số, khu vực KTTN cũng có nhiều cơ hội lớn để phát triển, dù vậy, vẫn có nhiều thách thức mà khu vực KTTN cần phải cải thiện và vượt qua. Từ những mặt còn hạn chế và các cơ hội thách thức đối với khu vực, tác giả đưa ra một số các gợi ý giải pháp như sau:

Về phía Nhà nước

Thứ nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực KTTN, “lớn hóa” các doanh nghiệp tư nhân. Theo đó, cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh cho khu vực KTTN phát triển. Điều này sẽ đảm bảo duy trì lòng tin và và tăng cường đầu tư của KTTN, cải thiện hiệu quả hoạt động và lợi nhuận của các doanh nghiệp tư nhân. Cần có một hệ thống chính sách ổn định, thống nhất thể hiện rõ chủ trương coi KTTN là trụ cột của nền kinh tế và của năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đặc biệt, cần tạo được khung pháp lý, môi trường cần thiết để đẩy mạnh chuyển đổi số tại các doanh nghiệp tư nhân, giúp họ nâng cao năng lực kinh doanh trong bối cảnh kinh tế số. Để làm được điều này, Chính phủ cần tập trung xây dựng, phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin, hạ tầng số sử dụng các công nghệ tiên tiến, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

Thứ hai, Nhà nước cần xây dựng nền tảng, thể chế cho các mô hình kinh doanh kinh tế số, trong đó, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật cho các ngành đang có nhiều mô hình kinh doanh mới, như: thương mại điện tử, tài chính số, ngân hàng số... Cải cách thể chế để thu

hút đầu tư cho các công nghệ số trong các lĩnh vực đầu tư theo hướng tạo thuận lợi tối đa cho các hoạt động góp vốn, mua cổ phần, mua - bán sáp nhập doanh nghiệp công nghệ số... Qua đó, giúp các doanh nghiệp tư nhân có thể tham gia đầu tư, kinh doanh các mô hình kinh doanh số.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nhân lực số: Theo đó, Nhà nước cũng cần có chính sách nhằm tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công cuộc chuyển đổi số. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư các cơ sở đào tạo. Tăng cường loại hình đào tạo chuyên gia, kỹ thuật viên, đào tạo nghề, mô hình đào tạo liên kết 3 bên (doanh nghiệp - viện, trường - cơ quan quản lý nhà nước).

Đối với doanh nghiệp tư nhân

- Các doanh nghiệp thuộc KTTN, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải chủ động xây dựng năng lực cạnh tranh trên cơ sở kiến thức, vốn, nghiên cứu và phát triển, công nghệ và sáng tạo hơn là chỉ phụ thuộc vào lao động giá rẻ và vào sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

- Các doanh nghiệp cũng cần chủ động hơn trong quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số. Bởi, nếu doanh nghiệp không chuyển mình bắt kịp xu hướng, thì sẽ bị tụt hậu và bật khỏi môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

- Chủ doanh nghiệp phải có sự quyết tâm cao trong quá trình chuyển đổi số mới giúp cho các doanh nghiệp thích ứng và phát triển bền vững ở bối cảnh kinh tế số. Họ phải chủ động học tập, nâng cao trình độ và đầu tư vốn cho chuyển đổi số tại doanh nghiệp của mình. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV, thuộc Hội đồng Tư vấn Cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) (2023), *Báo cáo Kết quả khảo sát tình hình doanh nghiệp*.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp*.
3. Minh Tùng (2023), *Tạo đà cho kinh tế tư nhân phát triển*, truy cập từ nhandan.vn/tao-da-cho-kinh-te-tu-nhan-phat-trien-post756301.html
4. Nguyễn Thế Bình (2022), Phát triển kinh tế số tại Việt Nam, *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, số 5/2022.
5. Nguyễn Thị Luyến (2022), Nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn tới, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 1, tháng 01/2022.
6. Tổng cục Thống kê (2017-2022), *Niên giám Thống kê các năm, từ năm 2016 đến năm 2021*, Nxb Thống kê.
7. Tổng cục Thống kê (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2022*.
8. Trần Thị Hoa (2022), *Thực trạng và giải pháp phát triển thành phần kinh tế tư nhân*, truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-thanh-phan-kinh-te-tu-nhan-88090.htm>.